

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 12 – 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Linh.

2/ Ông Trần Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thời Phúc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 147/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021, Thông báo dời phiên tòa số 197/TB- TA ngày 02 tháng 08 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 277/TB- TA ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Lâm Thị P**; Sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 365 ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh S (Bà P vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Quý Đ**; Sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 354 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lâm Thị P trình bày:

Bà với ông Nguyễn Quý Đ tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 39 ngày 24 tháng 3 năm 2017. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông bà đã không còn sống chung từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, bà với ông Đ có một con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 03/02/2021. Hiện cháu đang sống với bà P.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Lâm Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quý Đ.
- Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quý Đ có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị P như sau:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Lâm Thị P.
- Về con chung: Ông đồng ý để bà P được trực tiếp nuôi con và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với ông Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị P ly hôn với ông Nguyễn Quý Đ. Về con chung: Giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Quý Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là

1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Quý Đ và bà Lâm Thị P đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà Lâm Thị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, còn ông Nguyễn Quý Đ mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ và bà P.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Quý Đ và bà Lâm Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 24 tháng 3 năm 2017 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà P là hợp pháp.

[3] Xét lý do xin ly hôn của bà P, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng ông Đ, bà P hạnh phúc cho đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người thường xuyên cãi vã. Ông bà đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy ông Đ, bà P đã mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong thời gian dài, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Anh K , sinh ngày 03/02/2021 đang sống cùng bà P. Bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và ông Đ cũng đồng ý. Xét thấy, việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa ông Đ và bà P là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Anh K mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Đ.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ, bà P trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn. Ông Đ phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị P.
- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị P được quyền ly hôn với ông Nguyễn Quý Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 03/02/2021 cho bà Lâm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Quý Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Quý Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lâm Thị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Quý Đ. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quý Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Anh K mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Anh K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 23 tháng 12 năm 2021. Bà Lâm Thị P là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà P trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lâm Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu ly hôn. Ông Nguyễn Quý Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Lâm Thị P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0007884 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Lâm Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã T, h T, ST;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân